

Bản án số: 147/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20/4/2018.

V/v Tranh chấp Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Tao;

2. Ông Dương Quốc Trung.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không có.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2018/TLST-HNGĐ ngày 15/01/2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: X, Ấp 1, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/01/2018 và bản tự khai ngày 29/01/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Tấn T tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 2003, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo bà T vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 05 năm thì đến đầu năm 2008 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do bà T không hòa thuận với mẹ chồng trong thời gian dài nhưng ông T không thông cảm chia sẻ, từ đó ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Sau nhiều lần mâu thuẫn với mẹ chồng mà vẫn không giải quyết được, bà T chủ động ra ngoài thuê nhà trọ để ở, trong khi đó ông T khẳng định không níu kéo và không kêu gọi bà T quay trở về cũng như không có hành động nào mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T, do đó cả hai đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đến nay đã không còn bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.

Về con chung: Có 01 (một) con chung là trẻ là Nguyễn Văn M, sinh ngày 28/6/2003, hiện đang sống chung với bà T. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, phía ông Nguyễn Tấn T hoàn toàn không có mặt để trình bày ý kiến hay đưa ra yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn T. Do ông T đang cư trú tại địa chỉ X Đường Đào Sư Tích, Tổ 14, Ấp 3, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn hôm nay.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Bà Nguyễn Thị T xin ly hôn với ông Nguyễn Tấn T với lý do mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2008 đến nay mà không cải thiện được. Bà T cung cấp Đơn xin xác nhận ngày 29/01/2018 cho thấy trong quá trình chung sống giữa bà T và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thậm chí gây gổ và xô xát nhau; từ cuối năm 2014 đến nay bà T và ông T đã sống ly thân mà vẫn không hàn gắn lại được.

Xét, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả văn bản tố tụng để tham gia hòa giải, hàn gắn gia đình với bà T cũng như đưa ra ý kiến hay yêu cầu của mình, tuy nhiên ông T vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T là hoàn toàn có thật và khả năng hàn gắn không còn, đời sống hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Tấn T.

[3.2] Về con chung: Bà T yêu cầu nuôi con. Xét trẻ Nguyễn Văn M hiện đang còn nhỏ, lại đang trực tiếp do bà T chăm sóc nuôi dưỡng kể từ lúc hai vợ chồng sống ly thân đến nay, nên việc giao con cho bà T tiếp tục nuôi là phù hợp. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có. Nếu sau này ông T có yêu cầu sẽ được xem xét trong vụ kiện khác.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ phải nộp, được cân trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0008554 ngày 15/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, bà T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và Điều 39; khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung là Nguyễn Văn M, sinh ngày 28/6/2003. Giao trẻ M cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có. Nếu sau này ông T có yêu cầu sẽ được xem xét trong vụ kiện khác.

2/- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ nộp, được cân trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0008554 ngày 15/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, bà T đã nộp đủ án phí.

3/- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4/- Bản án được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP, VKSNDTP;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ THU HIỀN

